

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oo-----

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

(Về việc: Xây dựng phần mềm)

Số: VK20VHS

Căn cứ:

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự 2015
- Căn cứ vào Luật Thương mại 2005
- Căn cứ nhu cầu và khả năng đáp ứng của các bên liên quan.

Hôm nay, ngày 10 tháng 4 năm 2020, tại Thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES (VINHOMES)

Địa chỉ: Số 458 phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: +84 24 39749350 Fax: +84 24 39749351
Mã số thuế: 0102671977
Đại diện: Bà Nguyễn Thị Hải Minh
Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính
(Theo quyết định ủy quyền số 031/2019/GUQ-TGD-VH ký ngày 21 tháng 05 năm 2019)

BÊN B:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING

Địa chỉ: Tầng 10 Thăng Long Tower, 98 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 38582 9280
Tài khoản: 36388550905 Tại: Ngân hàng TMCP Tiên Phong, chi nhánh Hà Nội
Mã số thuế: 0104877363
Đại diện: Ông Nguyễn Tuấn Dũng
Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất ký kết và thực hiện hợp đồng lập trình phần mềm với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ KẾT CẤU HỢP ĐỒNG.

- 1.1. Đối tượng của Hợp đồng: Bên A yêu cầu và Bên B đồng ý thực hiện dịch vụ cung cấp dịch vụ lập trình phần mềm ứng dụng di động (sau đây gọi tắt là “phần mềm”) trên cơ sở phạm vi công việc được mô tả cụ thể ở “Phụ lục 01 Phạm vi công việc” của hợp đồng.
- 1.2. Hợp đồng này bao gồm văn bản hợp đồng này và các phụ lục.

ĐIỀU 2. CÁC GIẢ THIẾT.

- 2.1. Nguồn lực bên B tham gia các dự án của bên A được thực hiện trong điều kiện các giả thiết của bên B và phạm vi công việc của hợp đồng. Những phát sinh trong hợp đồng của bên A với đối tác của bên A có thể dẫn đến những thay đổi gây ra sự chậm trễ trong việc thực hiện hợp đồng. Những phát sinh hoặc chậm trễ (nếu có) do những việc phát sinh

A
An

ngoài giả thiết này sẽ không được tính vào nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ dự án của bên B.

- 2.2. Phạm vi công việc do bên B thực hiện được mô tả trong phần “Phụ lục 01 Phạm vi công việc”. Bên B không phải thực hiện các phát sinh ngoài mô tả trên trừ trường hợp có thỏa thuận phát sinh khác bằng văn bản của hai Bên.
- 2.3. Bên A và/hoặc đối tác của Bên A được Bên A ủy quyền chịu trách nhiệm trang bị đầy đủ phương tiện làm việc cho cán bộ của Bên B như phòng làm việc, máy tính, hệ thống mạng, máy chủ... khi phát sinh nhu cầu cần thiết phải làm việc tại văn phòng bên A để đảm bảo tiến độ và chất lượng của dự án và được bên A chấp thuận.
- 2.4. Các phần mềm do Bên A và/hoặc đối tác của Bên A cung cấp cho cán bộ của Bên B làm việc do Bên A/dối tác của Bên A chịu trách nhiệm về bản quyền. Bên B không chịu trách nhiệm pháp lý nếu Bên A hoặc đối tác của Bên A cung cấp các phần mềm sử dụng vi phạm bản quyền.

ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A.

Bên A chịu trách nhiệm thực hiện những công việc dưới đây để phối hợp với Bên B hoàn thành các công việc trong phạm vi của hợp đồng. Những công việc này do Bên A thực hiện với chi phí của Bên A và không được tính lại cho Bên B. Bên A đồng ý chịu trách nhiệm các việc sau đây:

- 3.1. Cử người làm quản trị dự án có sự tham gia nguồn lực của Bên B. Người này chịu trách nhiệm chính phối hợp với bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công việc của hợp đồng này.
- 3.2. Trong trường hợp Bên A thấy nhân sự của Bên B không phù hợp/vi phạm nội dung công việc quy định tại Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi nhân sự đó. Yêu cầu thay đổi nhân sự sẽ được Bên A gửi cho Bên B trước 10 ngày làm việc.
- 3.3. Phối hợp hoạt động giữa Bên A và Bên B để đảm bảo thông tin thông suốt và phối hợp chặt chẽ giữa các bên trong quá trình triển khai dự án.
- 3.4. Được quyền kiểm tra xem xét, giám sát chất lượng công việc, dịch vụ do Bên B cung cấp.
- 3.5. Bảo đảm nguồn lực tiếp nhận hệ thống của khách hàng đầy đủ trình độ và kỹ năng để nhận chuyển giao công nghệ từ Bên B.
- 3.6. Báo đảm cung cấp đầy đủ thông tin và dữ liệu thích hợp, phần cứng, phần mềm cũng như các thiết bị ngoại vi, hạ tầng để Bên B tiến hành công việc trong khuôn khổ của hợp đồng.
- 3.7. Cung cấp đầy đủ thông tin và vật tư theo yêu cầu hợp lý của Bên B để Bên B thực hiện hợp đồng.
- 3.8. Trong mọi hoàn cảnh, Bên A không được phép lôi kéo hoặc tuyển dụng người của Bên B với thời hạn là 06 tháng sau khi kết thúc hợp đồng. Nếu có, Bên A phải chịu phạt tương đương với 06 tháng lương thực tế của nhân sự đó.
- 3.9. Nghiệm thu và thanh toán cho Bên B theo đúng điều khoản của hợp đồng.
- 3.10. Được hưởng các quyền, quyền lợi khác theo quy định của hợp đồng này và theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- 3.11. Có quyền khấu trừ các khoản mà Bên B phải thanh toán cho Bên A (nếu có) theo Hợp Đồng này vào Giá Trị Hợp Đồng trước khi thực hiện thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B.

- 4.1. Thực hiện các công việc được nêu trong “Phụ lục 01 Phạm vi công việc” một cách tốt nhất và đúng thời hạn theo yêu cầu của hợp đồng và các phụ lục đính kèm hợp đồng.
- 4.2. Đảm bảo có đầy đủ năng lực, chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện các công việc quy định tại Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.
- 4.3. Bên B có nghĩa vụ phải thực hiện các biện pháp cần thiết, không loại trừ việc chạy thử phần mềm (test) trước khi thực hiện chính thức, nhằm đảm bảo phần mềm thiết kế phải có

- sự tương thích, phù hợp với hệ thống hoạt động của Bên A, không làm ảnh hưởng đến hệ thống hoạt động của Bên A.
- 4.4. Cán bộ bên B phải bảo vệ các bí mật thông tin, tài liệu được các bên chuyển giao trong và sau khi thực hiện Hợp đồng này theo quy định tại điều 13 của Hợp đồng này.
 - 4.5. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi hành vi và các vấn đề phát sinh từ nhân viên của Bên B, đảm bảo an toàn mọi hoạt động, tuân thủ mọi nội quy, quy chế của Bên A trong suốt thời gian triển khai dự án.
 - 4.6. Được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của hợp đồng này và theo các quy định của pháp luật hiện hành.
 - 4.7. Đảm bảo cập nhật kịp thời tiến độ thực hiện Dịch Vụ cho Bên A, trong trường hợp có nguy cơ không hoàn thành Dịch Vụ kịp thời hạn Bên B phải thông báo ngay lập tức cho Bên A. Trong trường hợp lý do không kịp tiến độ là từ nguyên nhân chủ quan của Bên B thì đồng thời Bên B bù đắp chi phí của mình tiến hành mọi biện pháp đảm bảo Dịch Vụ được hoàn thành đúng hạn, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc bổ sung nhân công và/hoặc tăng giờ làm việc.
 - 4.8. Cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện và có đầy đủ giấy phép cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện Dịch Vụ và sẽ xuất trình các giấy phép này cho Bên A trong vòng 03 (ba) ngày kể từ khi Bên A có yêu cầu. Bên B phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật cũng như bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên A trong trường hợp việc thực hiện Dịch Vụ vi phạm những quy định của pháp luật (nếu có).
 - 4.9. Cung cấp đầy đủ hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính cho Bên A.
 - 4.10. Bảo quản và hoàn trả lại cho Bên A tài liệu, phương tiện được giao ngay sau khi hoàn thành công việc và/hoặc theo thời hạn yêu cầu của Bên A.

ĐIỀU 5. THỜI GIAN THỰC HIỆN.

Bên B có trách nhiệm hoàn thiện Dịch vụ theo đúng thời hạn quy định tại “Phụ lục 02 Kế hoạch triển khai” của hợp đồng này.

ĐIỀU 6. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.

- 6.1. Những ngày nghỉ trong quá trình thực hiện hợp đồng phát sinh do quy định của nhà nước, quy định nội bộ của bên A và có văn bản xác nhận của Bên A, quy định nội bộ của đối tác của bên A không tính vào thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp Bên A yêu cầu Bên B thực hiện công việc vào ngày nghỉ và có sự đồng ý của Bên B thì Bên A sẽ chịu khoản chi phí phát sinh cho cán bộ nhân viên thực hiện dịch vụ cho Bên A trong thời gian này.
- 6.2. Trong quá trình triển khai hợp đồng, nếu có những ngày nghỉ phát sinh vì những trường hợp bất khả kháng như mất điện, thiên tai, hỏa hoạn... hoặc có văn bản xác nhận của Bên A thì thời gian này sẽ không được tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.
- 6.3. Trong quá trình triển khai hợp đồng, nếu có phát sinh do lỗi của bên A hoặc đối tác của bên A làm cho gián đoạn công việc thực hiện dự án như lỗi phát sinh do hệ thống máy tính, người đại diện của bên A hoặc khách hàng bên A không tham gia các buổi làm việc đã lên lịch trước của bên B thì cũng không được tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.
- 6.4. Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định trong “Phụ lục 02 Kế hoạch triển khai” của hợp đồng.

ĐIỀU 7. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, THANH TOÁN.

- 7.1. Giá trị của Hợp đồng này là **2.166.700.000 VND** (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn./.).

H
A
B

Giá trị trên chưa bao gồm các loại thuế, phí và các chi phí liên quan đến bản quyền phần mềm, hạ tầng máy chủ, mạng và các công cụ khác cần để thực hiện hợp đồng (nếu có). Giá trị trên đã bao gồm chi phí đi lại, công tác tại Hà Nội của bên B thực hiện công việc.

Tổng giá trị thanh/quyết toán thực tế sẽ dựa trên phần Dịch Vụ đã hoàn thành thực tế của Bên B căn cứ vào Biên Bản Nghiệm Thu hoàn thành công việc nhân với đơn giá đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này. Bên B có nghĩa vụ hoàn trả lại phần thanh toán đã nhận nhưng chưa hoàn thành phần Dịch Vụ tương ứng cho Bên A ngay khi có yêu cầu.

7.2. Việc thanh toán tổng giá trị của Hợp đồng được thực hiện theo tiến độ như sau:

Đợt 1: Bên A thanh toán **1.000.000.000 VND** (*Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn/*) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc ngay sau khi Hợp Đồng được ký kết và Bên A nhận được đầy đủ bản gốc các hồ sơ sau:

- Giấy đề nghị thanh toán;
 - Hóa đơn tài chính hợp lệ;
 - Biên bản xác nhận tài liệu yêu cầu chức năng được ký hợp lệ bởi Bên A và Bên B;
- Đợt 2:** Bên A thanh toán **950.000.000 VND** (*Bằng chữ: Chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn/*) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi người dùng hoàn thành kiểm thử hệ thống (UAT) và Bên A nhận được đầy đủ bản gốc các hồ sơ sau:
- Giấy đề nghị thanh toán;
 - Hóa đơn tài chính hợp lệ;
 - Biên bản xác nhận kết quả UAT và quyết định có thể go-live được ký hợp lệ bởi Bên A và Bên B;

Đợt 3: Bên A thanh toán số tiền còn lại trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi kết thúc giai đoạn bảo hành và Bên A nhận được đầy đủ bản gốc các hồ sơ sau:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn tài chính hợp lệ;
- Biên bản xác nhận hoàn tất công việc và thanh lý hợp đồng được ký hợp lệ bởi Bên A và Bên B;

7.3. Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng Việt Nam đồng và được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bên B.

7.4. Nếu Bên A không đồng ý về một phần hoặc toàn bộ giá trị của một hóa đơn do Bên B phát hành thì Bên A sẽ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn, thông báo cho Bên B về số tiền mà Bên A không đồng ý thanh toán và lý do mà Bên A cho rằng mình không có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền đó. Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Bên A gửi thông báo trên, các bên sẽ gặp để trao đổi để xác định số tiền thực tế phải thanh toán. Nếu các bên không thể thỏa thuận được về số tiền thực tế phải thanh toán trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày diễn ra cuộc họp nói trên thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vấn đề này ra cơ quan giải quyết tranh chấp theo quy định tại Hợp đồng này.

7.5. Nếu một hóa đơn hợp lệ do Bên B phát hành không được Bên A thanh toán trong thời hạn mươi lăm (15) ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán theo quy định tại Điều 7.2 thì bên B có quyền tính lãi cho Bên A trên số tiền chậm trả kể từ ngày đến hạn thanh toán cho đến khi thực hiện việc thanh toán với lãi suất theo quy định ở điều 17 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 8. KẾT QUẢ, CHẤP THUẬN VÀ NGHIỆM THU.

8.1 Các tài liệu, sản phẩm bàn giao theo Hợp đồng.

8.2 Quy trình chấp thuận:

- a. Tài liệu, sản phẩm bàn giao theo hợp đồng sẽ do bên A đại diện nghiệm thu với bên B.

AT
AK

b. Kết thúc từng giai đoạn trong quá trình triển khai dự án, bên B phải chuyển giao kết quả công việc hoàn thành cho quản trị dự án của bên A xem xét đánh giá. Nếu đạt yêu cầu của quản trị dự án, kết quả công việc sẽ được đánh giá là hoàn thành.

c. Khi toàn bộ các kết quả bàn giao được nghiệm thu, hai bên sẽ ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng. Sau khi bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ, bên A sẽ tiến hành thanh toán cho bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 9. XỬ LÝ CÁC YÊU CẦU THAY ĐỔI HOẶC PHÁT SINH.

Trong trường hợp Một Bên có yêu cầu thay đổi hoặc phát sinh so với phạm vi các công việc đã thỏa thuận trong Hợp đồng này thì các yêu cầu này phải được người đại diện có thẩm quyền của Bên đó ký và gửi cho Bên kia bằng văn bản. Việc thay đổi phạm vi các công việc do một Bên đề xuất chỉ được chấp thuận sau khi Bên kia đã xem xét và đồng ý bằng văn bản. Trong trường hợp việc thay đổi phạm vi công việc phát sinh thêm chi phí hoặc giảm chi phí, Bên đó phải thanh toán hoặc giảm các chi phí này theo thỏa thuận phát sinh bằng văn bản có xác nhận đồng ý của hai bên. Các yêu cầu thay đổi hoặc phát sinh sẽ được các bên lập thành Phụ lục và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng việc gửi văn bản thông báo cho Bên B (trước 30 ngày) trong các trường hợp sau:

- 10.1 Bên B vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm hoặc đảm bảo và/hoặc bất kỳ quy định nào theo Hợp đồng mà không hoàn thành việc khắc phục và/hoặc không có khả năng khắc phục hoặc (trong trường hợp một vi phạm có khả năng khắc phục) không khắc phục được vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục bằng văn bản từ Bên A. Trong trường hợp này Bên A phải thanh toán cho Bên B tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành và được Các Bên nghiệm thu nhưng chưa được thanh toán, đồng thời Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ số tiền mà Bên A đã thanh toán trước đó cho Bên B sau khi đã trừ đi số tiền tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành nhưng chưa được Bên A thanh toán (nếu có). Trường hợp này, Bên B còn có trách nhiệm (i) thanh toán cho Bên A khoản tiền phạt tương đương 08% giá trị Hợp Đồng; và (ii) bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh theo xác định và thông báo của Bên A nhưng không quá 08% giá trị hợp đồng trong vòng 7 ngày kể từ ngày Hợp Đồng chấm dứt theo thông báo chấm dứt của Bên A.
- 10.2 Bên B lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, tạm dừng hoặc có dấu hiệu tạm dừng hoạt động kinh doanh hoặc ngưng hưu như toàn bộ hoạt động kinh doanh chính, phá sản hoặc giải thể.
- 10.3 Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B những chi phí cho phần công việc mà Bên B đã thực hiện hoàn tất. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Bên A nếu phần công việc được cung cấp bởi nhà cung cấp khác không hoạt động tương thích với Chương trình do Bên B cung cấp.
- 10.4 Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí bồi thường nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi mà Bên A được hưởng theo các điều khoản vẫn có giá trị sau khi Hợp đồng đã chấm dứt.
- 10.5 Để làm rõ, trường hợp Bên B có một trong các vi phạm như quy định tại Điều 10.1, mà Bên A quyết định không chấm dứt Hợp Đồng trước hạn thì Bên A có quyền thực hiện một và/hoặc các biện pháp sau:

- (i) Yêu cầu Bên B khắc phục vi phạm bằng chi phí của Bên B;
- (ii) Tự mình hoặc thuê bên thứ ba khắc phục vi phạm bằng chi phí của Bên A. Bên B có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh nhưng không quá 08% giá trị hợp đồng cho Bên A theo thời hạn thông báo của Bên A; và/hoặc
- (iii) Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A một khoản phạt bằng 08% giá trị hợp đồng và bồi thường mọi thiệt hại phát sinh nhưng không quá 08% giá trị hợp đồng trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A có yêu cầu.

Bên B đồng ý để Bên A khấu trừ từ các khoản tiền mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B theo Hợp Đồng này để thanh toán các khoản phải hoàn trả, tiền phạt, tiền bồi thường (nếu có) của Bên B theo quy định của Hợp Đồng. Trường hợp Bên B chậm thanh toán các khoản phải trả, tiền phạt, bồi thường theo quy định tại Hợp Đồng này, Bên B phải trả cho Bên A khoản lãi chậm thanh toán như quy định tại Điều 16.2.

- 10.6 Tùy thuộc quyết định của mình, Bên A có quyền chấm dứt Hợp Đồng trước hạn trong bất kỳ trường hợp nào và gửi thông báo cho Bên B trước ít nhất 30 ngày. Trường hợp này, Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Bên B tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành và được Các Bên nghiệm thu nhưng chưa được thanh toán, đồng thời Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ số tiền mà Bên A đã thanh toán trước đó cho Bên B sau khi đã trừ đi số tiền tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành nhưng chưa được Bên A thanh toán (nếu có).

Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi văn bản thông báo cho Bên A (trước 30 ngày) trong các trường hợp sau:

- 10.7 Nếu bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán giá trị Hợp Đồng quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn và không hoàn thành việc khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên B. Trong trường hợp này Bên A có trách nhiệm (i) thanh toán cho Bên B tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành và được Các Bên nghiệm thu nhưng chưa được thanh toán và lãi phát sinh do chậm thanh toán, (ii) thanh toán cho Bên B khoản tiền phạt tương đương 08% giá trị Hợp Đồng. Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ số tiền mà Bên A đã thanh toán trước đó cho Bên B (nếu có) sau khi đã trừ đi số tiền tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành nhưng chưa được Bên A thanh toán, khoản tiền lãi chậm thanh toán và khoản tiền phạt hợp đồng.
- 10.8 Nếu Bên A lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, tạm dừng hoặc có dấu hiệu tạm dừng hoạt động kinh doanh hoặc ngưng hâu như toàn bộ hoạt động kinh doanh chính, phá sản hoặc giải thể mà không có bất kỳ bên thứ ba nào kế thừa quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng này thì Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng mà không phải trả lại phần kinh phí đã nhận của Bên A.
- 10.9 Trong trường hợp Bên B chấm dứt hợp đồng theo điều này, Bên B không phải chịu bất cứ chi phí bồi thường nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi mà Bên B được hưởng theo các điều khoản vẫn có giá trị sau khi Hợp đồng đã chấm dứt.

ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG.

- 11.1 Mỗi bên sẽ không có trách nhiệm với bên kia cho sự chậm trễ hoặc không thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này vì bất kỳ lý do gì bị gây ra bởi Sự kiện Bất khả kháng.
- 11.2 Theo Hợp đồng này, Sự kiện Bất khả kháng có nghĩa là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được hoặc không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không hạn chế các sự kiện như

thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, bạo loạn, can thiệp của Chính phủ.

- 11.3 Khi xảy ra Sự kiện Bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về sự kiện đó và nguyên nhân của sự kiện đó trong vòng 5 ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện Bất khả kháng cùng tài liệu chứng minh hợp lý, hợp lệ và tiến hành các biện pháp cần thiết để hạn chế tác động bất lợi của sự kiện đó.
- 11.4 Các bên sẽ nỗ lực thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của Sự kiện Bất khả kháng.

ĐIỀU 12. QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ.

- 12.1. Bên A chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với tài liệu, phần mềm hệ thống, phần mềm công cụ, môi trường vận hành và các phần mềm liên quan khác do Bên A cung cấp.
- 12.2. Bên A được quyền sở hữu bản quyền toàn bộ các kết quả do Bên B thực hiện trong phạm vi của hợp đồng này.
- 12.3. Bên B cam kết rằng, việc giải quyết khiếu nại với bên thứ ba liên quan đến cáo buộc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ sẽ không làm ảnh hưởng đến các chương trình Bên B tham gia phát triển với Bên A.
- 12.4. Bên B cam kết có quyền sở hữu trí tuệ đối với tất cả các sản phẩm/dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A theo nội dung Hợp đồng này.
- 12.5. Các bên được miễn trừ trách nhiệm liên quan đến các tranh chấp, khiếu kiện/khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm/dịch vụ của mỗi bên.

ĐIỀU 13. BẢO MẬT VÀ AN NINH.

- 13.1 Mỗi bên sẽ bảo mật trong mọi thời điểm về Thông tin Bảo mật được bên kia tiết lộ cho bên đó và sẽ không sử dụng, tiết lộ hoặc làm tiết lộ, cung cấp hoặc theo cách thức khác cung cấp lại các Thông tin Bảo mật đó cho bất kỳ người nào ngoại trừ người lao động, đại lý được phép, nhà thầu hoặc đại diện của bên đó mà việc tiết lộ là cần thiết cho Mục đích của Hợp đồng này theo các điều kiện không kém chặt chẽ hơn các điều kiện của Hợp đồng này.
- 13.2 Mỗi bên sẽ sử dụng các biện pháp phù hợp (và tiến hành các biện pháp phòng ngừa không kém khắt khe hơn các biện pháp được bên đó sử dụng để bảo vệ các thông tin bảo mật của chính bên đó) để đảm bảo các nhân viên của bên đó sẽ không sử dụng Thông tin Bảo mật theo cách thức không được Hợp đồng này cho phép hoặc tiết lộ Thông tin Bảo mật cho bất kỳ người nào khác mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia.
- 13.3 Bên A đồng ý tuân thủ các quy trình của Bên B một cách hợp lý để cấp giấy phép bảo mật/an ninh cho bất kỳ nhân viên nào của Bên A là người cần truy cập vào hệ thống máy tính của Bên B hoặc tài liệu khác cho Mục đích cung cấp các dịch vụ theo quy định của Hợp đồng này.
- 13.4 Một bên không vi phạm nghĩa vụ của mình nếu thông tin quy định trong những khoản này:
 - a. Đã được công chúng biết đến mà không phải do việc vi phạm các khoản này;
 - b. Đã dang nằm trong sự chiếm hữu của bên nhận thông tin mà không bị hạn chế gì liên quan đến việc tiết lộ trước khi nhận được thông tin đó từ bên tiết lộ thông tin;
 - c. Bị yêu cầu tiết lộ theo quy định của luật; hoặc
 - d. Được bên nhận thông tin có được hoặc tạo ra một cách độc lập.
- 13.5 Các quy định tại điều này sẽ vẫn có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 14. BẢO VỆ DỮ LIỆU.

AT
Anh

- 14.1. Bên B hoặc mỗi thành viên của Bên B sẽ coi các dữ liệu của Bên A/dối tác của Bên A là Thông tin Bảo mật và Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B sẽ đảm bảo các nhận viên, đại lý và nhà thầu của họ tuân thủ quy định về Thông tin Bảo mật này. Nếu Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B nhận được dữ liệu cá nhân theo Hợp đồng này, Bên B và mỗi thành viên Bên B sẽ chỉ sử dụng thông tin đó cho Mục đích để thực hiện các nghĩa vụ của nó theo Hợp đồng này, và sẽ tuân thủ tất cả các chỉ dẫn hợp lý của Bên A liên quan đến dữ liệu cá nhân đó.
- 14.2. Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B sẽ thực hiện tất cả các thủ tục thương mại hợp lý về an ninh, kỹ thuật và tổ chức để đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của các dữ liệu cá nhân đó khi chúng đang nằm trong sự chiếm hữu của bên đó và đảm bảo các dữ liệu cá nhân đó không bị sao chép, tiết lộ, xử lý, xóa, thay đổi, sử dụng hoặc bị sửa chữa theo một cách thức không được phép và để bảo vệ dữ liệu cá nhân đó phù hợp với các chỉ dẫn hợp lý của Bên A.
- 14.3. Mọi vi phạm hoặc vi phạm tiềm tàng các quy định tại Điều 15 sẽ phải được Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho Bên A.
- 14.4. Các quy định tại điều này sẽ vẫn có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 15. CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM.

Mỗi bên tuyên bố và đảm bảo với bên kia, và đây là một điều kiện của Hợp đồng này, kể từ Ngày Hiệu lực của Hợp đồng này:

- Hợp đồng này tạo thành nghĩa vụ pháp lý có hiệu lực ràng buộc hoặc có thể thi hành phù hợp với các điều khoản của nó theo một quy trình pháp lý phù hợp;
- Mỗi Bên có thẩm quyền để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của bên đó theo Hợp đồng này; và
- Hợp đồng này không mâu thuẫn với hoặc dẫn đến một sự vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ của các bên hoặc các điều khoản cơ bản của bất kỳ thỏa thuận, lệnh, quyết định, phán quyết, luật nào mà các bên phải thi hành hoặc chịu sự điều chỉnh.

ĐIỀU 16. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG.

- 16.1. Trong trường hợp Bên B vi phạm tiền độ thực hiện, trừ trường hợp do lỗi của Bên A và/ hoặc đối tác do bên A chỉ định thực hiện các công việc liên quan đến hợp đồng, và/ hoặc do các lý do bất khả kháng, thì Bên B sẽ chịu phạt bằng 0,1% tổng giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm tính trên một ngày vi phạm và bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có) theo xác định và thông báo của Bên A.
Tuy nhiên, tổng số tiền phạt vi phạm và bồi thường không được vượt quá 7% tổng giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.
- 16.2. Trong trường hợp Bên A vi phạm tiền độ thanh toán cho bên B với điều kiện các điều kiện thanh toán của Hợp Đồng đã được đáp ứng đầy đủ thì bên A sẽ chịu phạt bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm vi phạm cộng thêm 5%/năm, tính trên số ngày và số tiền trả chậm. Tuy nhiên, tổng số tiền phạt vi phạm không được vượt quá 7% tổng giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm, bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có).

ĐIỀU 17: QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ

- 17.1 Bên B cam kết và đảm bảo rằng người quản lý, nhân viên, người lao động, đại lý hoặc bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A (gọi chung là “Người Bên B”) sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn dựa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây

ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào không phụ thuộc vào giá trị của tài sản hối lộ (gọi chung là “**Hối Lộ**”), cho bất kỳ người quản lý, nhân viên, người lao động hoặc đại diện của Bên A (gọi chung là “**Người Bên A**”) hoặc (ii) thông qua bất kỳ bên thứ ba nào để Hối Lộ Người Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký hợp đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

Các hành vi Hối Lộ theo quy định tại điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này.

Trường hợp bất kỳ Người Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Bên A nào có biểu hiện, hành vi đồi Hối Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo chi tiết sau:

- Số điện thoại hotline: 098 842 8787
- Email: gopy@vingroup.net

- 17.2 Nếu Bên B vi phạm quy định tại điều này Bên A có quyền, tại bất kỳ thời điểm nào, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:
- a) Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B trong trường hợp Bên B ký kết Hợp Đồng thông qua việc đấu thầu; và/hoặc Bên B không được tiếp tục tham gia chào thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa cho các gói thầu khác của Bên A; và/hoặc
 - b) Hủy bỏ tất cả các phê duyệt, chấp thuận, sự cho phép, lợi ích Bên B có được hoặc sự chấp thuận, thông qua của Bên A đối với những vấn đề về ký kết và thực hiện Hợp Đồng mà bị ảnh hưởng bởi hành vi Hối Lộ; và/hoặc
 - c) Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ, phạt Bên B đến 150.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu đồng) đối với một lần vi phạm và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào. Ngoài ra, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A mọi thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp Đồng, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng/thanh toán trước cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại Hợp Đồng như trường hợp Hợp Đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B;
 - d) Chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền điều tra về vi phạm pháp luật hình sự.
- 17.3 Miễn trừ: Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 18: BẢO MẬT

18.1 Nghĩa Vụ Bảo Mật:

Bên B (“**Bên Nhận Thông Tin**”) cam kết rằng, trong thời gian hiệu lực của Hợp Đồng này và sau khi Hợp Đồng này chấm dứt, Bên Nhận Thông Tin sẽ tuyệt đối bảo mật các thông tin mật (“**Thông Tin Mật**”) của Bên A (“**Bên Tiết Lộ**”). Theo đó, Bên Nhận

Thông Tin không được tiết lộ Thông Tin Mật cho bất kỳ bên thứ ba nào, dù là trực tiếp hay gián tiếp, trong bất kỳ tình huống nào, khi không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên Tiết Lộ trừ trường hợp quy định tại Điều 18.2 dưới đây.

Cho mục đích quy định tại đây, Thông Tin Mật được hiểu là các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn các điều khoản của Hợp Đồng này và/hoặc các thông tin, dữ liệu, văn bản được tạo ra do liên quan đến hoặc phát sinh từ việc thực hiện Hợp Đồng, các thông tin, dữ liệu, văn bản được Bên Tiết Lộ cung cấp cho Bên Nhận Thông Tin cho dù dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện Hợp Đồng này. Ngoài ra, Thông Tin Mật còn bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí quyết thương mại, kiến thức hoặc các thông tin khác về hoặc phục vụ cho tiếp thị tài chính, kinh doanh của Bên Tiết Lộ.

18.2 Nghĩa Vụ Bảo Mật sẽ được loại trừ nếu Thông Tin Mật:

- a) Đã được phô biến rộng rãi trong công chúng bởi Bên Tiết Lộ;
 - b) Được Bên Nhận Thông Tin, cung cấp cho nhân viên, chuyên gia tư vấn tài chính, pháp lý hoặc nhà thầu của Bên Nhận Thông Tin vì mục đích thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp Đồng này, với điều kiện là Bên đó phải chịu trách nhiệm và đảm bảo các đối tượng được tiết lộ Thông Tin Mật phải tuân thủ quy định bảo mật như nội dung của Điều 8.1 trên đây;
 - c) Do Bên Nhận Thông Tin nhận được từ một bên thứ ba độc lập với việc thực hiện Hợp Đồng này mà không chịu bất kỳ nghĩa vụ bảo mật nào; hoặc
 - d) Được yêu cầu tiết lộ bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ tòa án có thẩm quyền xét xử thích hợp nào đối với Bên Nhận Thông Tin.
- 18.3 Bên Nhận Thông Tin đồng ý rằng bất cứ vi phạm nào đối với Nghĩa Vụ Bảo Mật thông tin này có thể gây ra những tổn hại không thể khôi phục được với Bên Tiết Lộ, theo đó Bên Tiết Lộ sẽ có quyền tìm kiếm các biện pháp để giảm nhẹ thiệt hại và buộc Bên Nhận Thông Tin bồi thường toàn bộ thiệt hại là một khoản tiền không thấp hơn Giá trị Hợp Đồng này.

ĐIỀU 19. LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.

- 19.1. Luật Việt Nam điều chỉnh tất cả các vấn đề của Hợp đồng này.
- 19.2. Bất kỳ một bất đồng, tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này mà không thể giải quyết thông qua thương lượng đàm phán sẽ được đưa ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("VIAC") bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng của Trung tâm này ("Quy tắc") bởi ba trọng tài viên được chỉ định theo Quy tắc Trọng tài của Trung tâm đó. Trọng tài xét xử bằng tiếng Việt tại Hà Nội.
- 19.3. Trừ khi rõ ràng bị ngăn cản bởi phạm vi tranh chấp, các bên đồng ý tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp đồng này (bao gồm cả thanh toán các khoản phí) trong khi vấn đề tranh chấp đang được giải quyết trừ khi và cho đến khi các nghĩa vụ đó bị chấm dứt hoặc hết hạn theo các điều khoản của Hợp đồng này;
- 19.4. Điều khoản này không ngăn cản một bên vào bất kỳ lúc nào tìm kiếm việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc một biện pháp hạn chế tồn thất nào đó để bảo vệ quyền lợi của mình.

ĐIỀU 20. THÔNG BÁO.

- 20.1. Bất kỳ thông báo theo yêu cầu được đưa ra trong Hợp đồng này:
- Phải gửi bằng văn bản có ghi rõ địa chỉ của bên nhận tới địa chỉ được ghi trong hợp đồng hoặc địa chỉ theo thông báo mới nhất mà bên nhận gửi tới.
 - Phải được ký bởi một cá nhân được ủy quyền hợp pháp bởi bên gửi; và
 - Sẽ được coi như là đã được gửi hoặc thực hiện:
 - (Trong trường hợp chuyển bởi một người hoặc bằng đường bưu điện) khi đã chuyển hoặc được nhận tại địa chỉ ở trên; và
 - (Trong trường hợp gửi fax) khi bên nhận nhận được tín hiệu phản hồi của bên nhận vào lúc cuối của lần gửi.
- 20.2. Nhưng nếu việc gửi hoặc nhận diễn ra trong một ngày mà không phải là Ngày làm việc hoặc sau 5:30 giờ chiều tại địa điểm nơi nhận, thông báo sẽ được coi như là đã chuyển hoặc đã nhận vào thời điểm bắt đầu làm việc trong Ngày làm việc tiếp theo.
- 20.3. Trong trường hợp thay đổi địa chỉ liên lạc, các Bên phải thông báo cho Bên còn lại ít nhất trước 03 ngày làm việc.

ĐIỀU 21. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 21.1. Bên B cam kết không chuyển nhượng, thuê thầu phụ, cấp quyền hoặc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của bên B theo Hợp đồng này trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên A (chấp thuận đó không bị trì hoãn hoặc chậm trễ đưa ra một cách bất hợp lý). Trong trường hợp Bên B hợp nhất hoặc tổ chức lại, Bên B được quyền chuyển nhượng, cấp quyền hoặc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng này mà không cần có sự chấp thuận của Bên A với điều kiện bên nhận sẽ kế thừa nguyên trạng và toàn bộ các quyền, nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng này. Bên A được quyền chuyển nhượng, cấp quyền hoặc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của bên A theo Hợp đồng này mà không cần có sự chấp thuận của bên B với điều kiện bên thứ ba sẽ kế thừa nguyên trạng và toàn bộ các quyền, nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng này.
- 21.2. Bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị vô hiệu hoặc không thể thực thi theo pháp luật của Việt Nam thì điều khoản đó sẽ được sửa lại sao cho có hiệu lực và có thể thực thi, nếu có thể, hoặc nếu không thể thì chỉ riêng điều khoản đó sẽ không có hiệu lực và/ hoặc không thể thực thi và không ảnh hưởng đến các điều khoản còn lại của Hợp đồng này cũng như hiệu lực và khả năng thực thi của chính điều khoản đó theo quy định của pháp luật.
- 21.3. Các điều khoản của Hợp đồng này (và bất kỳ Phụ lục nào) không bị sửa đổi, bổ sung trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
- 21.4. Hợp đồng này có giá trị ràng buộc đối với cả những người thừa kế và nhận chuyển nhượng hợp pháp của mỗi bên.
- 21.5. Hợp đồng kèm theo các Phụ lục được làm thành 04 bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau do mỗi bên giữ 02 bản.
- 21.6. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy định của Hợp đồng này với tài liệu, văn bản liên quan, trao đổi, phụ lục hợp đồng thì các quy định tại Hợp đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng.



TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH
Nguyễn Thị Hải Minh



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Dũng

AB
GWT

PHỤ LỤC 01: PHẠM VI CÔNG VIỆC

1. Tổng quan yêu cầu

Bên B lập trình triển khai ứng dụng di động (sau đây gọi tắt là “Ứng dụng”) cho website Thương mại điện tử bất động sản Vinhomes Online dành cho 2 đối tượng người dùng là Khách hàng và Người dùng nội bộ (Nhân viên kinh doanh). Phần mềm gồm các tính năng sau:

- Chức năng cơ bản:
 - o Đăng nhập
 - o Quản trị tài khoản người dùng
 - o Quản lý phân quyền truy cập sản phẩm theo nhóm người dùng và danh mục sản phẩm
- Chức năng nghiệp vụ:
 - o Danh sách sản phẩm: tìm kiếm và liệt kê sản phẩm theo dạng đang bán, sắp bán
 - o Thông tin chi tiết sản phẩm: xem thông tin sản phẩm, tài liệu bán hàng, chính sách bán hàng
 - o Đặt hàng: Đặt cẩn trên Ứng dụng; Chức năng gửi SMS/Email xác nhận đơn hàng
 - o Thanh toán: Tích hợp với cổng thanh toán Napas
 - o Quản lý danh sách sản phẩm bất động sản quan tâm
 - o Bảng giao dịch trực tuyến
 - o Quản lý đơn hàng: Tra cứu tình trạng đơn hàng của người dùng - chức năng mức cơ bản
- Chức năng khác:
 - o Đồng bộ tài khoản người dùng với website VHM Online
 - o Tích hợp gọi điện/ trao đổi trực tuyến và trao đổi qua Viber/Zalo/Messenger – chức năng mức cơ bản
 - o Quản lý thông báo - chức năng mức cơ bản

2. Ngoài phạm vi

Những điểm liệt kê dưới đây được hiểu là Bên A hoặc đối tác của Bên A chịu trách nhiệm và không thuộc phạm vi trách nhiệm của Bên B:

- Cung cấp Bản quyền phần mềm cần thiết (nếu có)
- Chuẩn bị và cài đặt hạ tầng (máy chủ, máy trạm, mạng, ...) các môi trường lập trình, kiểm thử, chạy thử.
- Đánh giá an ninh bảo mật Ứng dụng. Tuy vậy, Bên B sẽ phối hợp, hỗ trợ Bên A và đối tác của Bên A thực hiện đánh giá và khắc phục các lỗi an ninh bảo mật.
- Dữ liệu, bảo mật, sao lưu và khôi phục dữ liệu.
- Phân quyền truy cập sử dụng chức năng và dữ liệu trên Ứng dụng và hạ tầng triển khai Ứng dụng.
- Triển khai và cài đặt Ứng dụng lên hạ tầng của Bên A hoặc đối tác của Bên A. Tuy vậy, Bên B sẽ phối hợp, hỗ trợ Bên A triển khai, cài đặt Ứng dụng.
- Đưa ứng dụng lên các chợ ứng dụng như Apple App Store và Google Play.

3. Điều kiện tiền đề

Đây là các điều kiện để bên B hoàn thành được công việc, gồm các điều kiện sau:

Điều kiện 1: Bên A cần đảm bảo và sẵn sàng để tích hợp Ứng dụng với một số hệ thống:

- Website Thương mại điện tử bất động sản (VHM Online) – Xử lý lỗi (Back-end) cho Ứng dụng
- API Management - Tích hợp API

- Công thanh toán Napas
- Hệ thống SAP

Điều kiện 2: Bên A chuẩn bị và cài đặt đầy đủ hạ tầng các môi trường lập trình, kiểm thử, chạy thật theo đúng tiến độ được thống nhất giữa hai bên.

Điều kiện 3: Bên A sử dụng tài khoản của mình để đưa Ứng dụng lên các chợ ứng dụng Apple App Store và Google Play.

Điều kiện 4: Bên A cung cấp thông tin phục vụ cho việc phát triển Ứng dụng kịp thời theo đúng tiến độ được thống nhất giữa hai bên, bao gồm:

- Đặc tả yêu cầu của website VHM Online (mô tả chi tiết chức năng nghiệp vụ và các luồng trao đổi thông tin)
- Giao diện responsive của website VHM Online
- API tích hợp phía back-end
- Danh sách tài khoản người dùng nội bộ
- Môi trường và nhân sự thực hiện kiểm thử người dùng cuối (UAT)
- Cung cấp tài nguyên triển khai và các kết nối cho môi trường chạy thật (Production)

PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

Kế hoạch dự án được mô tả trong bảng dưới đây:

Thời gian	Công việc
Tuần 1	Lập kế hoạch chi tiết. Cài đặt môi trường phát triển (DEV), môi trường kiểm thử (TEST). Phân tích yêu cầu và viết tài liệu yêu cầu chức năng (SRS).
Tuần 2 – Tuần 6	Xác nhận tài liệu yêu cầu chức năng (SRS). Lập kiến trúc hệ thống, tiêu chuẩn bảo mật OWASP. Lên danh sách các API + Trao đổi API với Back-end. Thiết kế giao diện màn hình. Lập trình các chức năng và kiểm thử đơn vị. Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn sử dụng.
Tuần 7	Kiểm thử tích hợp Ứng dụng. Đánh giá bảo mật, an toàn thông tin Ứng dụng (bên A/đối tác bên A thực hiện, bên B hỗ trợ, khắc phục). Kiểm thử mức người dùng cuối (UAT). Chỉnh sửa lỗi nếu có.
Tuần 8	Bàn giao mã nguồn, tài liệu liên quan. Đăng ký Ứng dụng lên chợ ứng dụng Google Play và Apple App Store. (Go-live Ứng dụng). <i>Chú ý: thời gian xét duyệt để phát hành Ứng dụng trên chợ ứng dụng của Google và Apple có thể lên tới 02 tuần (14 ngày). Do vậy, bên A chú ý để có thu xếp kế hoạch phù hợp.</i> Bắt đầu giai đoạn bảo hành.
1 tháng	Bảo hành Ứng dụng.
Kết thúc giờ hạn bảo hành	Kết thúc giai đoạn bảo hành. Thanh lý hợp đồng.

Ghi chú:

- Trong quá trình kế hoạch thực hiện có thể thay đổi cho phù hợp và cần có sự đồng ý của đại diện hai bên.
- Thời gian kế hoạch được tính từ ngày ký hợp đồng

Các sản phẩm bàn giao được liệt kê trong bảng dưới đây:

STT	Sản phẩm bàn giao
01	Tài liệu yêu cầu chức năng (SRS)
02	Thiết kế giao diện các màn hình chính
03	Tài liệu Thiết kế tổng thể
04	Mã nguồn
05	Tài liệu Hướng dẫn sử dụng

PHỤ LỤC 03: BẢO HÀNH

Thời gian bảo hành

Ứng dụng được bảo hành **01 tháng** tính từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao nghiệm thu sẵn sàng go-live.

Nội dung bảo hành

- Khắc phục các sự cố kỹ thuật do bản thân phần mềm.
- Hỗ trợ cài đặt lại phần mềm.
- Phối hợp xử lý các sự cố liên quan đến kết nối giữa ứng dụng và các hệ thống tích hợp.
- Hỗ trợ hướng dẫn tất cả các vấn đề liên quan đến quá trình thao tác, sử dụng phần mềm.

Bên B không chịu trách nhiệm trong các trường hợp sau:

- Khắc phục các sự cố do virus phá hỏng, hoặc hỏng phần cứng.
- Lỗi do người sử dụng làm sai
- Các sự cố liên quan đến hạ tầng, đường truyền kết nối hoặc nguyên nhân do bên thứ ba.

Chú ý: Bên B sẽ từ chối bảo hành nếu mã nguồn của Ứng dụng đã bị thay đổi khác với phiên bản bên B bàn giao cho bên A.

Phương thức bảo hành

- 1) Sau khi nhận được yêu cầu bảo hành chính thức bằng văn bản, điện thoại hoặc email, bên B có trách nhiệm nghiên cứu và đề xuất giải pháp khắc phục sự cố chậm nhất là 02 ngày kể từ khi bên B nhận được yêu cầu.
- 2) Bên B có trách nhiệm bảo hành cho khách hàng thông qua các kênh như điện thoại, Email, Fax, chuyển phát thư, công cụ online, hoặc cử nhân viên kỹ thuật hỗ trợ trực tiếp.

Địa chỉ bảo hành

Văn phòng bên B tại Hà Nội: Tầng 10 Thăng Long Tower, 98 Nguyễn Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội

PHỤ LỤC 04: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1. Những định nghĩa dưới đây sẽ được áp dụng cho Hợp đồng này trừ khi ngữ cảnh yêu cầu hiểu khác đi:
 - 1.1 “**Hợp đồng**” có nghĩa là văn bản Hợp đồng và các phụ lục đính kèm.
 - 1.2 “**Chấp thuận**” có nghĩa là việc chấp thuận các dịch vụ theo các quy định của Hợp đồng.
 - 1.3 “**Biên bản Nghiệm thu Hệ thống**” là biên bản nghiệm thu toàn bộ các công việc theo Hợp đồng này do đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký, bao gồm Các Chương trình được cung cấp và các dịch vụ được triển khai.
 - 1.4 “**Bên A**” trong khuôn khổ của Hợp đồng này, được hiểu bao gồm cả hệ thống bộ máy tổ chức của Bên A (gồm trụ sở chính, các Chi nhánh, văn phòng đại diện, trung tâm, các đơn vị trực thuộc khác do Bên A thành lập), đại lý, văn phòng kinh doanh và các Công ty con của Bên A tại Việt Nam.
 - 1.5 “**Bên B**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Công nghệ Viking có quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp liên quan đến bản quyền được cung cấp theo Hợp đồng này.
 - 1.6 “**Người đồng sử dụng**” có nghĩa là số Người sử dụng (là số lượng tối đa người được chấp thuận theo Hợp đồng này).
 - 1.7 “**Cấu trúc Cơ sở Dữ liệu**” có nghĩa là cấu trúc được sắp xếp có hệ thống dùng để lưu trữ dữ liệu của Bên B. Khi thuật ngữ Cấu trúc Cơ sở Dữ liệu được sử dụng trong Hợp đồng này, nó cũng bao gồm các Từ điển Dữ liệu.
 - 1.8 “**Từ điển Dữ liệu**” và “**Module Dữ liệu**” có nghĩa là các tài liệu bản quyền của Bên A do Bên A xuất bản và cấp phép cho Bên B sử dụng, mà nó cung cấp các Cấu trúc Cơ sở Dữ liệu. Khi thuật ngữ Từ điển Dữ liệu được sử dụng trong Hợp đồng này, nó cũng bao gồm cả các Module Dữ liệu.
 - 1.9 “**Người sử dụng**” là nhân viên của Bên A và khách hàng Bên A, bao gồm nhân viên thuộc hệ thống bộ máy tổ chức của Bên A và khách hàng Bên A.
 - 1.10 “**Hướng dẫn Sử dụng**” có nghĩa là các tài liệu giải thích dưới dạng bản cứng và bản điện tử hoặc các ghi chú liên quan đến Phần mềm do Bên A cung cấp (giống như các hướng dẫn sử dụng được xuất bản chung và có thể được cập nhật tùy từng thời điểm bởi Bên A).
 - 1.11 “**Máy con**” có nghĩa là toàn bộ cấu hình máy tính cá nhân bao gồm bất cứ Chương trình và phần mềm điều hành nào được Bên A hoặc Bên B cài đặt.
 - 1.12 “**Công ty Liên quan**” có nghĩa là bất cứ pháp nhân nào chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi bất cứ bên nào trong Hợp đồng này trong thời gian bên đó sở hữu hoặc kiểm soát. Việc sở hữu hoặc kiểm soát sẽ tồn tại thông qua hình thức sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hơn năm mươi phần trăm (50%) giá trị danh nghĩa của số vốn cổ phần được phát hành, hoặc hơn năm mươi phần trăm (50%) cổ phiếu cho phép cổ đông được quyền bỏ phiếu lựa chọn giám đốc hoặc những người thực hiện các chức năng hoặc quyền tương tự bằng bất cứ biện pháp nào khác để bầu hoặc bổ nhiệm các giám đốc hoặc những người cùng thực hiện việc kiểm soát đó.
 - 1.13 “**Go-live**” có nghĩa ngày đầu tiên thực hiện thành công bất kỳ giao dịch nào trên môi trường thử nghiệm.
 - 1.14 “**Địa điểm được Ủy quyền**” có nghĩa là địa điểm mà Bên B sẽ thực hiện các dịch vụ của mình cho Bên A và khách hàng Bên A.
 - 1.15 “**Cập nhật**” có nghĩa là các bản sửa đổi, chỉnh sửa hoặc nâng cấp đối với Các Chương trình nhằm sửa chữa các sự cố chức năng và/hoặc để khắc phục Lỗi Chương trình và/hoặc để nâng cao khả năng hoạt động của Các Chương trình như là một phần của việc dịch vụ bảo trì;
 - 1.16 “**Phiên bản Mới**” có nghĩa là phiên bản mới đã qua kiểm tra và đảm bảo chất lượng của Các Chương trình bao gồm (các) Cập nhật để hình thành nên Các Chương trình đã được sửa đổi. Một phiên bản mới thường được phát hành hàng năm;

- 1.17 "Ngày Làm việc" có nghĩa là một ngày trong tuần trừ ngày Thứ Bảy, ngày Chủ Nhật và ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật.
- 1.18 "Thông tin Bảo mật" có nghĩa là dữ liệu mà bên tiết lộ thông tin, hoặc Bên Liên quan của bên đó, hiện tại hoặc trong tương lai đang chiếm hữu liên quan tới kỹ thuật, kinh doanh, tài chính, tài liệu hoạt động và thành lập, và dữ liệu khác nói chung được bên đó xem là độc quyền hoặc bảo mật và thông tin đó:
- (a) được đánh dấu "Bảo mật" hoặc "Độc quyền", hoặc một chú giải tương tự, vào thời điểm tiết lộ; hoặc
 - (b) được xác định một cách rõ ràng đối với bên nhận là thông tin bảo mật hoặc độc quyền vào thời điểm tiết lộ; hoặc
 - (c) có giá trị và được một thực thể kinh doanh bất kỳ đánh giá một cách thận trọng là thông tin bảo mật.
- Thông tin Bảo mật có thể gồm có thông tin thuộc về một bên thứ ba như khách hàng hoặc nhà cung cấp hoặc khách hàng tiềm năng hoặc nhà cung cấp tiềm năng của bên tiết lộ thông tin. Thông tin Bảo mật của Bên A bao gồm Chương trình, Cơ cấu Dữ liệu và Hướng dẫn sử dụng. Nội dung của Hợp đồng này cũng được coi là Thông tin Bảo mật của mỗi bên.
- 1.19 "Môi trường hoạt động/phát triển" có nghĩa là Môi trường hoạt động/phát triển được Bên A phê chuẩn bằng văn bản cho và/hoặc để sử dụng cùng với Các Chương trình phần mềm và/hoặc Cấu trúc Cơ sở Dữ liệu bao gồm các phiên bản chi tiết của phần cứng và phần mềm được cung cấp theo hợp đồng này.
- 1.20 "Ngày Hiệu lực" có nghĩa là ngày mà Hợp đồng này được ký kết bởi các bên như được ghi tại phần đầu của Hợp đồng.
- 1.21 "Quyền Sở hữu Trí tuệ" bao gồm mọi quyền đã đăng ký hoặc chưa được đăng ký ở hiện tại và trong tương lai, tại Việt Nam và ở mọi nơi trên thế giới:
- (a) bất kỳ quyền tác giả cũng như mọi mã máy tính hoặc đoạn mã viết tay, dù được biên soạn hay chưa dưới dạng ngôn ngữ hoặc chương trình máy tính, nhãn hiệu hàng hóa hoặc nhãn hiệu dịch vụ, kiểu dáng, sáng chế, giải pháp hữu ích, tên miền, mọi quyền liên quan đến phần mềm máy tính, dữ liệu và cơ sở dữ liệu, Thông tin Bảo mật, bí mật thương mại và bí quyết, mảnh tích hợp bán dẫn và mọi quyền vô hình khác, hoặc quyền bố trí mảnh tích hợp, tên thương mại, tên kinh doanh hoặc tên công ty, bí mật thương mại, ý tưởng, khái niệm, học thuyết, phương pháp, thuật toán, bí quyết và chỉ dẫn kỹ thuật nguồn gốc hoặc chỉ dẫn xuất xứ, hoặc quyền độc quyền khác; và
 - (b) bất kỳ quyền đăng ký, nộp đơn đăng ký, gia hạn, duy trì, mở rộng, tách và phát hành lại được gắn với các quyền như được mô tả ở đoạn (a) ở trên.
- 1.22 "Không tương thích" có nghĩa là khi chương trình không thực hiện đúng các chức năng được miêu tả trong Hướng dẫn Sử dụng và/hoặc không đáp ứng các yêu cầu của hợp đồng.
- 1.23 "Tiêu chuẩn Chấp thuận" là tài liệu do Bên A lập ra và Bên B chấp nhận. Đây là tài liệu tiêu chuẩn và duy nhất mà Bên A và Bên B căn cứ vào khi thực hiện các kiểm tra chấp thuận và nghiệm thu;
- 1.24 "Lỗi Chương trình" có nghĩa là lỗi như định nghĩa trong Hợp đồng bảo trì, về Chương trình và/hoặc Cơ cấu Dữ liệu;
- 1.25 "Kiểm tra Chấp thuận" có nghĩa là việc Bên A và Bên B ký vào Biên bản nghiệm thu sau khi Bên B hoàn thành các công việc theo tiến độ thực hiện quy định của Hợp đồng này;
2. Trong Hợp đồng này, các điều mục chỉ là để thuận tiện cho việc tham chiếu và không ảnh hưởng đến việc giải thích Hợp đồng này, và trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi:
- (a) từ số ít bao gồm cả số nhiều và ngược lại;
 - (b) từ giống đực bao gồm giống cái và giống khác;
 - (c) các phần khác của một lỗi nói và các cấu trúc ngữ pháp của một từ hoặc một ngữ định

nghĩa trong Hợp đồng này có ý nghĩa tương ứng;

- (d) tham chiếu đến một người bao gồm công ty hoặc một loại hình doanh nghiệp khác, hợp danh, Liên danh, hiệp hội và cơ quan chính phủ;
- (e) tham chiếu đến một Điều hoặc một Phụ lục là tham chiếu đến một điều hoặc một phụ lục của Hợp đồng này;
- (f) tham chiếu đến một bên có nghĩa là Bên A hoặc Bên B, tùy thuộc vào ngữ cảnh, và bao gồm các bên kế thừa hoặc nhận chuyển nhượng được phép của bên đó;
- (g) tham chiếu đến một tài liệu bao gồm tất cả các sửa đổi hoặc bổ sung, hoặc thay thế của tài liệu đó;
- (h) tham chiếu đến "Hợp đồng này" hoặc "Phụ lục" bao gồm tất cả các phụ lục đính kèm theo Hợp đồng và Phụ lục đó;
- (i) tham chiếu đến một văn bản luật hoặc tới một điều khoản của văn bản đó bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc tái ban hành văn bản luật đó hoặc quy định pháp luật thay thế cho, và tất cả các văn bản pháp luật được ban hành theo văn bản luật hoặc điều khoản luật đó;
- (j) các từ "bao gồm", "ví dụ như", "ví dụ", "e.g." và các diễn giải tương tự không hàm ý giới hạn;
- (k) tham chiếu đến US\$, \$ và đô la có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ;
- (l) tham chiếu đến điều khoản thông báo hoặc phê chuẩn sẽ yêu cầu thông báo hoặc phê chuẩn đó phải được thực hiện bằng văn bản (bao gồm fax) trừ khi có quy định khác đi.
- (m) Nếu có yêu cầu thông qua một điều khoản tại Hợp đồng này mà một Bên cần phải tìm kiếm sự chấp thuận trước của Bên thứ ba để thực hiện nghĩa vụ (trừ các trường hợp cụ thể được quy định trong Hợp đồng), và nếu Bên được yêu cầu chấp thuận không trả lời trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, thì yêu cầu đó coi như được chấp thuận.